

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1268/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 31 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm tài chính
cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn
tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/ 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 25/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 16/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành đề án đảm bảo tài chính cho hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2013-2020;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Văn bản số 850/SYT-TTr ngày 19/ 5 /2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2016 - 2020".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành, thị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2016 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Thực hiện Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 16/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo đảm tài chính cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013-2020”, UBND tỉnh Phú Thọ xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Bảo đảm nguồn tài chính bền vững cho việc thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 tại tỉnh Phú Thọ.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo tỷ lệ tăng ngân sách nhà nước ở địa phương thông qua Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số tăng dần qua các năm đến năm 2020.
- Tăng dần tỷ lệ chi tiêu cho phòng, chống HIV/AIDS từ ngân sách nhà nước ở địa phương, đảm bảo được cơ bản nhu cầu kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh.
- Huy động nguồn viện trợ quốc tế đạt tỷ lệ tối thiểu 30% tổng chi phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào năm 2016, 25% vào năm 2020.
- Đảm bảo 80% doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại doanh nghiệp.
- Đảm bảo 80% số người nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế được chi trả theo quy định vào năm 2016 và đạt 100% vào năm 2020.
- Đảm bảo quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí huy động được theo các quy định hiện hành.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Nhóm hoạt động 1 - Dự phòng và can thiệp giảm hại:

1.1.1. Chỉ tiêu đến năm 2020: Tỷ lệ người dân 15-49 tuổi hiểu đúng, có kiến thức và thực hành về các cách dự phòng lây nhiễm HIV đạt 80%. Tăng tỷ lệ người dân không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV lên 80%. Tăng tỷ lệ người NCMT

tiếp cận với chương trình bơm kim tiêm lên 90%; tỷ lệ PNBD tiếp cận với chương trình bao cao su lên 90%; đảm bảo 80% người nghiện chất dạng thuốc phiện có hồ sơ quản lý trong tỉnh được điều trị methadone.

1.1.2. Nội dung triển khai:

- Tăng cường truyền thông thường xuyên, sâu rộng, có chủ đích, hướng tới từng nhóm đối tượng trong cộng đồng. Đa dạng hóa về nội dung, hình thức, kênh truyền và cách tiếp cận phù hợp, hiệu quả để nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi bền vững cho người dân về phòng, chống HIV/AIDS.

- Mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng các dịch vụ can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV. Triển khai điều trị methadone vào trong trung tâm cai nghiện, giáo dưỡng, trại giam, trại tạm giam do ngành Công an và Lao động, thương binh - xã hội quản lý; triển khai các mô hình phân phát bao cao su, bơm kim tiêm theo hướng dẫn của chương trình quốc gia.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS các tuyến. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên đồng đẳng, cộng tác viên tình nguyện. Tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành và các địa phương trong quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người NCMT, PNBD.

1.2. Nhóm hoạt động 2 - Điều trị người nhiễm HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:

1.2.1. Chỉ tiêu đến năm 2020: 90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm của bản thân; 90% người nhiễm HIV biết tình trạng nhiễm được điều trị ARV; 90% người điều trị ARV có tải lượng virus dưới ngưỡng lây truyền. 70% phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV; 100% phụ nữ mang thai nhiễm HIV được phát hiện và con của họ được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, không chế tỷ lệ lây truyền từ mẹ sang con ở mức dưới 2%.

1.2.2. Nội dung triển khai:

- Mở rộng phạm vi cung cấp, đảm bảo tính liên tục và dễ tiếp cận của dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV tự nguyện; dịch vụ điều trị ARV, điều trị nhiễm trùng cơ hội, dự phòng lao cho người nhiễm HIV, dự phòng lây truyền mẹ con.

- Củng cố hệ thống chuyển tuyến, chuyển tiếp người nhiễm HIV/AIDS từ trạm y tế xã, phường tới các phòng khám ngoại trú điều trị ARV tại Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và các bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện.

- Thực hiện quản lý thai sản và tư vấn xét nghiệm HIV cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai nhằm phát hiện các trường hợp phụ nữ mang thai có HIV(+) và thực hiện quy trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

- Quản lý điều phối chương trình tư vấn, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS giữa các phòng khám ngoại trú điều trị ARV và các cơ sở dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn xét nghiệm tự nguyện, dự phòng và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, Lao...) trên địa bàn tỉnh để phối hợp nâng cao hiệu quả chương trình. Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với người nhiễm HIV và người sử dụng dịch vụ y tế liên quan đến HIV/AIDS theo quy định hiện hành.

- Lồng ghép các hoạt động theo dõi và chăm sóc người nhiễm HIV tại cộng đồng vào hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến y tế cơ sở. Phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác chăm sóc, hỗ trợ, điều trị toàn diện HIV/AIDS.

1.3. Nhóm hoạt động 3 - Xét nghiệm và Giám sát dịch HIV/AIDS:

- Củng cố, kiện toàn hệ thống xét nghiệm HIV/AIDS. Mở rộng độ bao phủ xét nghiệm phát hiện nhiễm HIV và xét nghiệm theo dõi điều trị HIV/AIDS. Cải thiện chất lượng xét nghiệm và phân cấp mạng lưới phòng xét nghiệm khẳng định HIV tới 70% các huyện, thị, thành. Duy trì, cung cấp dịch vụ xét nghiệm CD4, xét nghiệm tải lượng vi rút, xét nghiệm lao, xét nghiệm STIs và lấy mẫu, xét nghiệm PCR nhằm thực hiện điều trị ARV kịp thời, hiệu quả. Triển khai hệ thống quản lý thông tin phòng xét nghiệm.

- Xây dựng và triển khai giám sát dịch HIV thường xuyên với chất lượng ngày càng được nâng cao, lồng ghép giám sát hành vi lây nhiễm HIV đối với các nhóm dân cư, đặc biệt các nhóm có hành vi nguy cơ cao. Tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, nhận định, dự báo diễn biến và xu hướng dịch.

1.4. Nhóm hoạt động 4 - Tăng cường năng lực hệ thống, đảm bảo tính bền vững của chương trình phòng, chống HIV/AIDS:

- Đảm bảo đủ số lượng cán bộ tham gia triển khai công tác phòng, chống HIV/AIDS tại các tuyến y tế theo quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế. Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực cho đội ngũ này.

- Tăng cường trang thiết bị phục vụ công tác tuyên truyền, quản lý, giám sát và chăm sóc, điều trị bệnh nhân tại các tuyến y tế.

- Lồng ghép và kết nối cung cấp dịch vụ gồm triển khai phân phát bơm kim tiêm, bao cao su với tư vấn xét nghiệm tự nguyện; tư vấn xét nghiệm chẩn đoán sớm HIV với các dịch vụ khám chữa bệnh tại mạng lưới y tế cơ sở...

- Kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá việc triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý chương trình phòng, chống HIV/AIDS. Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu để cung cấp thông tin và tài liệu cho công tác phòng, chống HIV/AIDS.

2. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí: 51.956.670.000 VNĐ, trong đó:

2.1. Theo nhóm hoạt động:

Nhóm hoạt động	Kinh phí	
	Số tiền (nghìn đồng)	Tỷ lệ %
1. Dự phòng và can thiệp giảm hại	12 443 200	23,9
2. Điều trị người nhiễm HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	35 047 580	67,4
3. Giám sát dịch HIV/AIDS	4 465 890	8,7
4. Tăng cường năng lực hệ thống, đảm bảo tính bền vững của chương trình phòng, chống HIV/AIDS		

Nhóm hoạt động	Kinh phí	
	Số tiền (nghìn đồng)	Tỷ lệ %
Tổng số	51 956 670	100

2.2. Theo nguồn ngân sách

Nguồn ngân sách	Kinh phí	
	Số tiền (nghìn đồng)	Tỷ lệ %
Nguồn CTMT y tế, dân số	5 244 520	10,1
Nguồn hỗ trợ quốc tế	15 414 000	29,6
Nguồn ngân sách địa phương	11 735 169	22,6
Nguồn Bảo hiểm y tế thanh toán	11 773 665	22,7
Nguồn người dân tự chi trả	7 789 316	14,9
Tổng số	51 956 670	100

(Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm)

- Nguồn CTMT Y tế, dân số: cung ứng vật tư, dụng cụ can thiệp giảm hại dự phòng lây nhiễm HIV, quản lý giám sát dịch theo quy định của Bộ Y tế.

- Nguồn hỗ trợ Quốc tế (Dự án Quỹ Toàn cầu): cung ứng thuốc chữa bệnh toàn bộ đến hết năm 2017 và một phần các năm tiếp theo.

- Nguồn ngân sách của tỉnh đảm bảo các hoạt động tối thiểu về truyền thông tại các tuyến; xét nghiệm HIV miễn phí trong giám sát dịch và cho phụ nữ có thai theo quy định của Luật về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người số 64/2006/QH11; hoạt động liên ngành phòng, chống HIV/AIDS; hỗ trợ nhân viên tiếp cận cộng đồng, tình nguyện viên, đồng đẳng viên thực hiện các hoạt động vận động, can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV tại cộng đồng...

- Nguồn Bảo hiểm y tế thanh toán: đảm bảo chi phí khám, điều trị HIV/AIDS bao gồm cả ARV theo quy định hiện hành (khi Dự án Quỹ Toàn cầu kết thúc tài trợ, dự kiến từ năm 2018).

- Nguồn người dân tự chi trả: đảm bảo chi trả toàn bộ (với người không tham gia BHYT), hoặc đồng chi trả (với người tham gia BHYT) chi phí khám, điều trị HIV/AIDS và thuốc điều trị ARV theo quy định hiện hành (khi Dự án Quỹ Toàn cầu kết thúc tài trợ, dự kiến từ năm 2018).

III. CÁC GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ KINH PHÍ

1. Nhóm giải pháp về huy động kinh phí

1.1. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước ở địa phương cho các hoạt động thiết yếu, có hiệu quả để đảm bảo tính bền vững của các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS. Tăng tính chủ động của các ban, ngành, đoàn thể trong việc huy động và

bố trí kinh phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

1.2. Phát huy vai trò chủ động và trách nhiệm của các địa phương, đơn vị trong đầu tư cho phòng, chống HIV/AIDS ở địa phương, đơn vị:

- Xây dựng và ban hành quy định về vai trò, trách nhiệm của các địa phương, đơn vị trong việc lập kế hoạch và phân bổ ngân sách cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Đưa mục tiêu, nhiệm vụ phòng, chống HIV/AIDS là một trong những mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị; các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS là các hoạt động thường xuyên của địa phương, đơn vị.

1.3. Huy động sự tham gia đóng góp kinh phí của các doanh nghiệp cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS:

- Xây dựng và ban hành các quy định, cơ chế về vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch và phân bổ kinh phí hàng năm cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS cho người lao động của doanh nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc.

1.4. Tăng cường chi trả các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS bằng nguồn đóng góp của người sử dụng dịch vụ chăm sóc, điều trị HIV/AIDS:

- Thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020 theo Kế hoạch số 2775/KH-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh, nhằm tăng độ bao phủ của bảo hiểm y tế đối với các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

- Thực hiện chính sách đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của người nhiễm HIV khi tham gia bảo hiểm y tế. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động và hỗ trợ người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế.

- Mở rộng tiếp thị xã hội bao cao su, bơm kim tiêm và các vật tư phòng, chống HIV/AIDS.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát xử phạt vi phạm hành chính trong công tác phòng, chống HIV/AIDS và có cơ chế sử dụng nguồn thu từ hoạt động này.

2. Nhóm giải pháp quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí

2.1. Xây dựng cơ chế điều phối, phân bổ nhằm kiểm soát hiệu quả các nguồn kinh phí huy động được:

- Hoàn thiện tiêu chí và cơ cấu phân bổ nguồn kinh phí của địa phương cho Chương trình phòng, chống HIV/AIDS và các nguồn kinh phí huy động khác phù hợp với tình hình dịch, tình hình kinh tế - xã hội.

- Tăng cường cơ chế trao đổi thông tin giữa cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS, các sở, ngành, các nhà tài trợ và liên tục cập nhật về các lĩnh vực, địa bàn

và đối tượng cần ưu tiên can thiệp nhằm chủ động bố trí và điều phối nguồn lực hợp lý cả trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

- Xây dựng lộ trình tiếp nhận các hoạt động và dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS có hiệu quả được thực hiện bởi kinh phí của các nhà tài trợ quốc tế theo từng giai đoạn, lĩnh vực và địa bàn.

2.2. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí:

- Thực hành tiết kiệm chi tiêu trong phòng, chống HIV/AIDS. Tăng cường vai trò giám sát của UBND và Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm các cấp đối với việc thực hiện các giải pháp huy động, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính cho phòng, chống HIV/AIDS.

- Định kỳ, các cơ quan tài chính và kế hoạch đầu tư phối hợp với cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS cùng cấp tiến hành kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính của các chương trình, dự án và của các cơ quan, đơn vị tham gia phòng, chống HIV/AIDS.

3. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực quản lý chương trình nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí

- Củng cố, kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực của các cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS tại các tuyến nhằm tăng cường điều phối tập trung và có hiệu quả các nguồn kinh phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại các cấp, các ngành, đơn vị.

- Định kỳ nghiên cứu xác định ưu tiên trong phòng, chống HIV/AIDS (địa bàn, lĩnh vực, hoạt động, đối tượng) để có sự phân bổ kinh phí hợp lý.

- Đưa công tác phòng, chống HIV/AIDS thành nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cấp, các ngành, các đoàn thể và được thực hiện bởi các nguồn kinh phí thường xuyên của tỉnh và các địa phương. Lồng ghép các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội, các phong trào, các cuộc vận động quần chúng của địa phương.

- Thiết lập và mở rộng các mô hình cung cấp dịch vụ, mở rộng các hình thức cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS, tạo điều kiện cho người nhiễm HIV được tiếp cận sớm với các dịch vụ điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

- Huy động các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức dựa vào cộng đồng tham gia cung cấp các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS bằng nguồn kinh phí tự huy động.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh công tác chỉ đạo, theo dõi, giám sát việc triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng và đề xuất cơ chế, các giải pháp huy động tài chính cụ thể cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, bao gồm cả việc huy động các nguồn viện trợ.

- Phối hợp với Sở Tài chính hàng năm tham mưu cho UBND tỉnh cân đối bố trí nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành là thành viên của Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung thuộc đề án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Đề án theo quy định.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế đề xuất dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho công tác phòng, chống HIV/AIDS; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

- Thẩm định kinh phí do các cơ quan liên quan gửi Sở Tài Chính về mức chi tiêu cho phòng, chống HIV/AIDS; trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư và thực hiện việc phân bổ, điều phối các nguồn đầu tư cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định hiện hành. Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về “Lồng ghép hoạt động phòng, chống HIV/AIDS với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội”.

4. Sở Thông tin và truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, với các cơ quan liên quan và các địa phương xây dựng cơ chế, giải pháp cụ thể huy động tài chính cho công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về HIV/AIDS trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin tuyên truyền ở cơ sở theo thẩm quyền. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí trong tỉnh thực hiện thông tin, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS thường xuyên bằng nguồn ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn ngành xây dựng kế hoạch huy động nguồn kinh phí triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong trường học; sử dụng có hiệu quả kinh phí phòng, chống HIV/AIDS huy động được. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách tài chính, chỉ tiêu cho phòng, chống HIV/AIDS trong các nhà trường bằng nguồn kinh phí thường xuyên của đơn vị theo thẩm quyền.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho vay vốn và tổ chức tạo việc làm đối với người nhiễm HIV, người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị tạo điều kiện để nhiều người nhiễm HIV/AIDS và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS tiếp cận được các chính sách xã hội hiện hành dành cho những người yếu thế, những người dễ bị tổn thương.

7. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện chi trả một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS qua hệ thống bảo hiểm, theo quy định của pháp luật. Khuyến khích, hỗ trợ đẩy mạnh mở rộng độ bao phủ BHYT đối với người nhiễm HIV/AIDS.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phối hợp với Sở Y tế, với các cơ quan liên quan và các địa phương xây dựng các giải pháp cụ thể huy động tài chính cho các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch có lồng ghép các nội dung phòng, chống HIV/AIDS tại các cơ sở vui chơi giải trí, khu công cộng, bến tàu, bến xe, công viên, vườn hoa, nhà nghỉ, nhà hàng, khách sạn...Triển khai rộng khắp phong trào “Toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư”. Đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào các phong trào, cuộc vận động quần chúng, các sinh hoạt tại cộng đồng ở cơ sở.

9. Các Sở, ban, ngành khác lồng ghép các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người vào nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị. Ngoài nguồn kinh phí được giao, chủ động huy động nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định của pháp luật để bổ sung nguồn tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của đơn vị. Định kỳ báo cáo mức huy động kinh phí bổ sung về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh: Chủ động tham gia triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của mình. Phối hợp với ngành Y tế và các ngành liên quan khác cùng cấp huy động các tổ chức xã hội dựa vào cộng đồng tham gia hoạt động phòng, chống HIV/AIDS bằng nguồn kinh phí huy động được. Triển khai có hiệu quả phong trào “Toàn dân tham gia Phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư”. Đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào các phong trào, các cuộc vận động quần chúng, các sinh hoạt cộng đồng dân cư.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ Kế hoạch thực hiện Đề án bảo đảm cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 của tỉnh, xây dựng Kế hoạch để triển khai trên địa bàn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội và mục tiêu, nhiệm vụ phòng, chống HIV/AIDS của địa phương. Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và kế hoạch thực hiện trên địa bàn; xây dựng và xác lập các mục tiêu phòng chống HIV/AIDS trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Ngoài nguồn

ngân sách tỉnh cấp, các địa phương chủ động đầu tư ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS. Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá triển khai Kế hoạch trên địa bàn; báo cáo định kỳ về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020. Yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

**PHỤ LỤC 1 - Tổng hợp nhu cầu kinh phí đảm bảo cho các hoạt động PC HIV/AIDS
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Đơn vị tính: nghìn VND

TT	Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng giai đoạn 2016-2020	
		Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
I	Tổng nhu cầu	8 777 600	100	10 234 560	100	10 262 990	100	11 085 260	100	11 596 260	100	51 956 670	100
	Dự phòng lây nhiễm HIV	1 909 600	21.8	2 765 400	27.0	2 481 400	24.2	2 631 400	23.7	2 655 400	22.9	12 443 200	23.9
	Điều trị người nhiễm HIV/AIDS	5 936 000	67.6	6 592 860	64.4	6 926 000	67.5	7 561 860	68.2	8 030 860	69.3	35 047 580	67.5
	Giám sát và đánh giá chương trình	932 000	10.6	876 300	8.6	855 590	8.3	892 000	8.0	910 000	7.8	4 465 890	8.6
	Nâng cao năng lực hệ thống PC HIV/AIDS												
II	Khả năng huy động	7 099 000	80.9	8 318 100	81.3	4 849 690	47.3	4 606 073	41.6	3 575 034	30.8	28 447 897	54.8
	Ngân sách CTMT y tế, dân số	859 000	9.8	944 900	9.2	1 039 690	10.1	1 143 329	10.3	1 257 662	10.8	5 244 581	10.1
	Nguồn hỗ trợ Quốc tế	5 640 000	64.3	6 774 000	66.2	1 000 000	9.7	1 000 000	9.0	1 000 000	8.6	15 414 000	29.7
	Người dân tự chi trả	600 000		599 200	5.9	2 810 000	27.4	2 462 744	22.2	1 317 372	11.4	7 789 316	15.0
III	Kinh phí thiếu hụt tỉnh bổ sung	1 678 600	19.1	1 916 460	18.7	5 413 300	52.7	6 479 187	58.4	8 021 226	69.2	23 508 773	45.2
	Độ bao phủ BHYT					50%		60%		80%			

**PHỤ LỤC 2: Tổng hợp nhu cầu kinh phí đảm bảo cho các hoạt động PC HIV/AIDS
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (Theo nhóm hoạt động)**

TT	Nhóm hoạt động	Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2016-2020 (nghìn VNĐ)											
		Tổng		Từng năm									
		Số tiền	Tỷ lệ %	2016		2017		2018		2019		2020	
				Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Dự phòng lây nhiễm HIV	12 443 200	23.95	1 909 600	21.76	2 765 400	27.02	2 481 400	24.18	2 631 400	23.74	2 655 400	22.899
2	Chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	35 047 580	67.46	5 936 000	67.63	6 592 860	64.42	6 926 000	67.49	7 561 860	68.22	8 030 860	69.254
3	Theo dõi, giám sát và đánh giá	4 465 890	8.60	932 000	10.62	876 300	8.56	855 590	8.34	892 000	8.05	910 000	7.8474
4	Tăng cường năng lực		0.00		0.00		0.00		0.00		0.00		0
	Tổng nhu cầu	51 956 670	100	8 777 600	100	10 234 560	100	10 262 990	100	11 085 260	100	11 596 260	100

PHỤ LỤC 3: Chi tiết ngân sách tỉnh hỗ trợ các hoạt động PC HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

	Nội dung hoạt động	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng 2016-2020
I	Kinh phí thực hiện các hoạt động dự phòng lây nhiễm HIV	731 600	891 800	1 299 800	1 398 800	1 326 738	5 648 738
1	Thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi	671 600	627 800	1 035 800	1 134 800	1 062 738	3 908 938
1.1	Tuyển xã, phường, thị trấn	148 800	148 800	148 800	148 800	148 800	744 000
-	Thù lao cán bộ chuyên trách xã trọng điểm	148 800	148 800	148 800	148 800	148 800	744 000
1.2	Tuyển huyện,	39 000	39 000	39 000	39 000	39 000	130 000
-	Truyền thông (Truyền thanh) qua hệ thống Đài phát thanh, huyện,						65 000
-	Tổ chức truyền thông nhân các sự kiện phòng, chống HIV/AIDS: Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con (mít tinh, cổ động, điều hành, băng done tuyên truyền)	39 000	39 000	39 000	39 000	39 000	65 000
1.3	Tuyển tỉnh	483 800	440 000	848 000	947 000	874 938	3 034 938
-	Tổ chức truyền thông nhân các sự kiện phòng, chống HIV/AIDS: Tháng hành động quốc gia PC AIDS nhân ngày 1/12.	80 000	120 000	150 000	150 000	150 000	650 000
-	In ấn tờ rơi tuyên truyền đến cộng đồng	40 000	50 000	50 000	50 000	50 000	240 000
-	Đào tạo đồng đảng viên, tình nguyện viên, nhân viên y tế thôn bản (người không hưởng lương từ NSNN): 3 ngày, 60 người/lớp, chi phí cụ thể 1 lớp:	90 000	90 000	308 000	407 000	354 938	1 249 938
	<i>Hỗ trợ tiền ăn đại biểu</i>	<i>18 000</i>	<i>18 000</i>	<i>18 000</i>	<i>18 000</i>	<i>18 000</i>	<i>90 000</i>
	<i>Hỗ trợ đi lại cho học viên</i>	<i>27 000</i>	<i>27 000</i>	<i>27 000</i>	<i>27 000</i>	<i>27 000</i>	<i>135 000</i>
	<i>Tiền nước uống HV, GV</i>	<i>5 400</i>	<i>5 400</i>	<i>5 400</i>	<i>5 400</i>	<i>5 400</i>	<i>27 000</i>
	<i>Tiền thuê phòng ngủ HV</i>	<i>45 000</i>	<i>45 000</i>	<i>45 000</i>	<i>45 000</i>	<i>45 000</i>	<i>225 000</i>
	<i>Tiền thuê hội trường</i>	<i>15 000</i>	<i>15 000</i>	<i>15 000</i>	<i>15 000</i>	<i>15 000</i>	<i>75 000</i>
	<i>Phô tô tài liệu</i>	<i>3 000</i>	<i>3 000</i>	<i>3 000</i>	<i>3 000</i>	<i>3 000</i>	<i>15 000</i>

	<i>Thủ lao giảng viên</i>	<i>1 200</i>	1 200	1 200	1 200	1 200	6 000
	<i>Chi mua VPP</i>	<i>4 200</i>	4 200	4 200	4 200	4 200	21 000
-	Tuyên truyền lồng ghép phối hợp các ban ngành đoàn thể tuyến tỉnh	40 000	50 000	60 000	60 000	60 000	270 000
-	Chi khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt công tác PC HIV hàng năm	20 000	30 000	30 000	30 000	30 000	140 000
-	Mua ấn phẩm Tạp chí HIV/AIDS và cộng đồng cấp phát cho các sở, ngành, và các huyện	15 000	20 000	20 000	20 000	20 000	95 000
-	Hội nghị triển khai kế hoạch hàng năm với các đơn vị liên quan tỉnh và huyện			80 000	80 000	60 000	220 000
	Tiền xăng xe giám sát, điện nước VPP. ...	80 000	80 000	150 000	150 000	150 000	170 000
2	Can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV	60 000	264 000	264 000	264 000	264 000	1 116 000
2.1	Can thiệp cho người Nghiện chích ma túy (NCMT)	60 000	264 000	264 000	264 000	264 000	1 116 000
-	Phụ cấp cho đồng đảng viên ma túy		174 000	174 000	174 000	174 000	696 000
-	Bảo hộ lao động	10 000	20 000	20 000	20 000	20 000	90 000
-	Mua hộp đựng BKT bản (01 hộp thu gom 150 chiếc bơm kim tiêm bản)	50 000	70 000	70 000	70 000	70 000	330 000
II	Kinh phí thực hiện các hoạt động điều trị người nhiễm HIV/AIDS	360 000	408 660	550 000	580 000	630 000	2 528 660
1	Điều trị người nhiễm HIV/AIDS	290 000	330 000	430 000	430 000	440 000	1 920 000
-	Thuốc nhiễm trùng cơ hội (1 năm)	30 000	30 000	50 000	50 000	50 000	210 000
-	Xét nghiệm tải lượng vi rút	55 000	60 000	80 000	80 000	60 000	335 000
-	Xét nghiệm CD4 theo TT 32/2013/TT-BYT ngày 17/10/2013	40 000	50 000	70 000	70 000	50 000	280 000
-	Xét nghiệm cơ bản gồm (huyết học, sinh hóa, nước tiểu...)	40 000	50 000	70 000	70 000	80 000	310 000

-	Vận chuyển mẫu xét nghiệm kháng định lên tinh và tải lượng vi rút, CD4, PCR lên TW	20 000	20 000	40 000	40 000	50 000	170 000
-	Kiểm tra giám sát hoạt động điều trị ARV	60 000	70 000	70 000	70 000	80 000	350 000
-	In bệnh án điều trị, biểu mẫu	30 000	30 000	30 000	30 000	40 000	160 000
-	Quản lý, đánh giá kháng thuốc điều trị	15 000	20 000	20 000	20 000	30 000	105 000
2	Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	70 000	78 660	120 000	150 000	190 000	608 660
-	Sinh phẩm xét nghiệm sàng lọc HIV cho phụ nữ mang thai (khoảng 20% phụ nữ mang thai trên năm)	30 000	38 660	60 000	70 000	90 000	288 660
-	Vật tư tiêu hao (găng tay, bơm tiêm, bông, cồn...)	20 000	20 000	30 000	40 000	50 000	160 000
-	Hỗ trợ công lấy mẫu và xét nghiệm	20 000	20 000	30 000	40 000	50 000	160 000
III	Kinh phí hoạt động giám sát và đánh giá chương trình	468 200	616 000	753 500	806 271	795 000	3 438 971
1	Xét nghiệm sàng lọc HIV (giám sát thường xuyên)	195 000	280 000	360 000	360 271	270 000	1 465 271
-	Sinh phẩm xét nghiệm sàng lọc HIV	165 000	160 000	180 000	240 000	280 000	1 025 000
-	Hỗ trợ công lấy mẫu, xét nghiệm	15 000	20 000	50 000	70 000	90 000	245 000
-	Vật tư tiêu hao (găng tay, bơm tiêm...)	15 000	20 000	50 000	70 000	90 000	245 000
2	Xét nghiệm sàng lọc HIV nhóm NCMT, PNBD (giám sát trọng điểm) theo quy định của Bộ Y tế	55 000	118 000	136 500	150 000	190 000	649 500
-	Sinh phẩm xét nghiệm sàng lọc HIV	25 000	30 000	50 000	100 000	120 000	325 000
-	Hỗ trợ công lấy mẫu, xét nghiệm	15 000	20 000	40 000	20 000	30 000	125 000
-	Vật tư tiêu hao (găng tay, bơm tiêm...)	15 000	20 000	40 000	30 000	40 000	145 000
3	Xét nghiệm kháng định phát hiện HIV	124 000	108 000	117 000	126 000	135 000	610 000
-	Sinh phẩm xét nghiệm kháng định HIV (700 mẫu dương tính/năm x 2 test)	104 000	50 000	120 000	150 000	180 000	604 000
-	Hỗ trợ công xét nghiệm	10 000	15 000	30 000	50 000	60 000	165 000
-	Vật tư tiêu hao (găng tay, bơm tiêm...)	10 000	15 000	30 000	50 000	60 000	165 000
4	Kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình	94 200	110 000	140 000	170 000	200 000	714 200

-	Nghiên cứu KH, đánh giá diễn biến dịch, kết quả can thiệp giảm hại, điều trị và kiến thức, thực hành của cộng đồng	30 000	40 000	50 000	60 000	70 000	250 000
-	Kiểm tra giám sát hoạt động xét nghiệm, thống kê, báo cáo	30 000	30 000	40 000	50 000	60 000	210 000
-	In ấn tài liệu biểu mẫu giám sát, báo cáo, bao quản, VPP....	34 200	40 000	50 000	60 000	70 000	254 200
IV	Tăng cường năng lực hệ thống (Đầu tư trang thiết bị và hệ thống cơ sở hạ tầng)						
-	Mua bổ sung trang thiết bị hằng năm						
-	Sửa chữa, bảo dưỡng, mua mới: Trang thiết bị, máy xét nghiệm, phương tiện vận chuyển ...						
Tổng kinh phí (I+II+III+IV)		1 559 800	1 916 460	2 603 300	2 785 071	2 751 738	11 616 369